

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 740/2023/HC-PT

Ngày: 30/9/2023

V/v: yêu cầu hủy Quyết định hành chính
và buộc thực hiện hành vi hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị M1 Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 502/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2023, về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính và buộc thực hiện hành vi hành chính” do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố X3 có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10660/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa:

* **Người khởi kiện:** Công ty TNHH Thương mại AH (AHT); địa chỉ: số 211C X, phường X1, quận X2, thành phố X3.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quốc V, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại AH; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1997; địa chỉ: Lô 51-N16 Y, TDP Y1, thị trấn Y2, huyện Y3, thành phố X3; Có mặt.

* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận X2, thành phố X3 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận X2, thành phố X3; địa chỉ: Số 10 đường X4, phường X5, quận X2, thành phố X3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân N - Phó chủ tịch; có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Bùi Văn M, sinh năm 1956; địa chỉ: số 211C X, phường X1, quận X2, thành phố X3; Có mặt.

2. Bà Vũ Thị Kiều H1, sinh năm 1970; trú tại: Số 7/133 Y4, phường Y5, quận Y6, thành phố X3; Vắng mặt.

3. Bà Vũ Thị H2, sinh năm 1956; trú tại: Số 211C phố X, phường X1, quận X2, thành phố X3; Vắng mặt.

4. Bà Vũ Thị H3, sinh năm 1946; trú tại: Số 114 Z, phường Z1, quận X2, thành phố X3; Vắng mặt.

5. Ông Vũ Ngọc Q, sinh năm 1960; trú tại: Số 1/151 Z2, phường Z3, quận Y6, thành phố X3; Vắng mặt.

6. Anh Bùi Quốc V, sinh năm 1988; trú tại: Số 211C phố phố X, phường X1, quận X2, thành phố X3; Vắng mặt.

7. Anh Bùi Đức A, sinh năm 1991; trú tại: Số 211C phố phố X, phường X1, quận X2, thành phố X3; Vắng mặt.

8. Bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị T, ông Đặng Văn T1 và ông Đặng Tuấn A1, bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn T3, bà Nguyễn Thị H4, bà Phạm Thị Kim A2, ông Hoàng Hải N1, bà Phạm Thị M1, bà Phạm Thị Thu T4, bà Phạm Thị Hòa M2, bà Bùi Thị X7, ông Nguyễn Văn T5, bà Bùi Thị H5, bà Bùi Thị H6, bà Bùi Thị N2, ông Bùi Đức T6, ông Bùi Văn K, bà Bùi Thị H7; đều trú tại: Tổ 24, phường Z4, quận X2, thành phố X3; Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Kiều H1, bà Vũ Thị H2, bà Vũ Thị H3, ông Vũ Ngọc Q, anh Bùi Quốc V, anh Bùi Đức A: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1956; trú tại: Số 211C phố phố X, phường X1, quận X2, thành phố X3; Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn M: Bà Đỗ Lý Trà M3 – Công ty luật TNHH O chi nhánh O1; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện là Công ty TNHH Thương mại AH và người được ủy quyền của Công ty thống nhất trình bày:

Năm 1985, cụ Bùi Văn M4 được chuyển đổi về thửa đất số 810 (khu dân cư nay là Tổ 24), Tờ bản đồ số 2; bản đồ địa chính năm 1984 có diện tích 1.824,0m² (được chỉnh lý thành 1.400m²), loại đất hai lúa (được chuyển thành đất thổ cư, phù hợp với đất đã trung dụng), chủ sử dụng đất ghi Đội 1 (được

chuyển thành cụ Bùi Văn M4). Năm 1990, cụ Bùi Văn M4 đã làm nhà ở trên phần diện tích đất này. Cụ Bùi Văn M4 đã chia cho con gái Bùi Thị N2 360m², con gái Bùi Thị H7 360m². Đến năm 1994 cập nhật biến động đất của cụ Bùi Văn M4 được ghi nhận tại bản đồ địa chính năm 1994 là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 8 diện tích 668m², còn sổ mục kê năm 1994 ghi diện tích 632m².

Năm 1995, cụ Bùi Văn M4 làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận tại *Sổ Đăng Ký Ruộng Đất năm 1995*.

Cuối năm 1995, cụ Bùi Văn M4 đã góp vốn quyền sử dụng đất 632m² (đất thổ cư) vào Công ty AHT.

Cuối năm 1999 đầu năm 2000, ông Bùi Văn M nhận chuyển nhượng từ bà Bùi Thị N2 360m², Bùi Thị H7 360m², Đỗ Thị R 369m², Nguyễn Văn T5 730m², Bùi Thị X7 360m², Đặng Văn S1 180m². Việc chuyển nhượng nêu trên có hợp đồng và có xác nhận của trưởng thôn. Sau đó ông M tặng cho lại bố đẻ là cụ Bùi Văn M4.

Giữa năm 2001, cụ Bùi Văn M4 đã làm thủ tục với UBND xã Z3 và UBND huyện Z4 yêu cầu chuyển trả tiếp cụ phần diện tích đất thổ cư nhà nước đã trưng dụng còn thiếu hoặc công nhận diện tích 06 thửa đất do ông Bùi Văn M giao tặng cho bố đẻ từ cuối năm 1999 đầu năm 2000 và đề nghị hợp 06 thửa đất nêu trên cùng với thửa 632m² mà đã được Hội đồng quản lý đất đai xã Z3 và huyện Z4 xét duyệt từ năm 1995 để trở thành một thửa. Đề nghị của cụ Bùi Văn M4 đã được các cấp chính quyền chấp nhận là chuyển trả và công nhận là đất thổ cư mà nhà nước đã trưng dụng từ năm 1996 và đồng ý cho hợp thành một thửa từ giữa năm 2001.

Hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005 ghi nhận thửa đất số 62, tờ bản đồ số 38, diện tích 2.786,3m², loại đất T (đất ở đô thị/nông thôn). Người sử dụng mang tên Bùi Văn M4 (T ký hiệu loại đất viết trong sổ mục kê đất theo Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục Địa chính).

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai 2003; Điều 116, khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự 2015 thì diện tích 2.786,3m² đất của cụ Bùi Văn M4 trước đây và của AHT hiện nay là đất thổ cư đã được UBND xã Z3 và UBND huyện Z4 hoàn trả và công nhận là đất thổ cư theo quy hoạch từ năm 2001; phù hợp với Luật Đất đai 1993, 2003 và 2013 trong từng thời điểm.

Cụ Bùi Văn M4 đã đưa 2.786,3m² đất thổ cư vào làm tài sản của AHT; vì cụ Bùi Văn M4 là cổ đông sáng lập, đồng thời là chủ tịch hội đồng thành viên của AHT từ năm 1995. Năm 2006, cụ Bùi Văn M4 tặng cho phần vốn góp bằng QSD đất ở AHT cho các cá nhân cụ thể sau:

+ Con dâu Vũ Thị H2 360m²; Cháu trưởng Bùi Quốc V 360m²; Cháu nội Bùi Đức A 360m², diện tích đất thổ cư này là một phần của thửa đất số 62, tờ bản đồ số 38, hồ sơ địa chính năm 2005, ba người này trở thành thành viên góp vốn của AHT từ năm 2006.

+ Diện tích còn lại 1.999,6m² đất thổ cư là phần vốn góp của AHT; Cụ Bùi Văn M4 chuyển nhượng lại cho ông Bùi Văn M (bằng hợp đồng chuyển nhượng) vào ngày 20/8/2006. Diện tích đất này là một phần thửa đất số 62, tờ bản đồ số 38, hồ sơ địa chính năm 2005; Khi nhận chuyển nhượng phần vốn góp bằng QSD đất này, ông Bùi Văn M mặc nhiên trở thành thành viên góp vốn của AHT từ năm 2006.

Năm 2007, ông Bùi Văn M chuyển nhượng cho các thành viên AHT có tên là Vũ Thị H3 233,0m², Vũ Thị Kiều H1 300m², Vũ Ngọc Q 360m². Diện tích đất thổ cư của các thành viên nêu trên đều là một phần của thửa đất số 62, tờ bản đồ số 38, hồ sơ địa chính 2005 (Giấy xác nhận tặng cho và hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất nêu trên ông Bùi Văn M đã gửi đến UBND phường Z4 và UBND quận X2).

Hiện nay ông Bùi Văn M sử dụng diện tích 1.106,6m² đất thổ cư của thửa đất số 62, tờ bản đồ số 38, theo hồ sơ địa chính năm 2005.

Ông Bùi Văn M và AHT đã nộp đơn xin đăng ký biến động QSD đất và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào các ngày 12/11/2006 và ngày 10/8/2010 tại văn phòng UBND phường Z4, UBND quận X2, Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong đó UBND phường Z4 đã thực hiện đăng ký biến động chuyển đổi tên chủ sử dụng đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 38, diện tích 2.786,3m², hồ sơ địa chính năm 2005 từ tên Bùi Văn M4 sang tên Bùi Văn M được thể hiện trên hồ sơ địa chính phường Z4. Đây là bằng chứng chứng minh ông Bùi Văn M và AHT đã thực hiện những việc AHT phải làm theo quy định. Tuy nhiên đến nay AHT chưa nhận được GCNQSD đất không phải lỗi của cá nhân ông Bùi Văn M hay AHT mà cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện đúng quy định về cấp GCNQSD đất cho các cá nhân, tổ chức.

AHT nhận thấy thửa đất số 62 tại hồ sơ địa chính năm 2005, ghi nhận tại trang số 2, tờ bản đồ số 38, tên chủ sử dụng đất Bùi Văn M4 địa chỉ Khu 3, diện tích 2786,3m² ở cột ghi chú có ghi “Bìa thể chấp”. Qua tìm hiểu được biết nhiều chủ sử dụng đất có ghi chú “Bìa thể chấp” thì họ đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, AHT và ông Bùi Văn M chưa nhận được Giấy chứng nhận QSD đất, mặc dù ông Bùi Văn M và AHT đã làm thủ tục đăng ký biến động đất đai và xin cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

Đại diện AHT đã nhiều lần đề nghị UBND phường Z4 và UBND quận X2 cho biết “Bìa thể chấp” này được cấp mang tên ai, ông Bùi Văn M hay AHT? Ai đăng ký thể chấp “Bìa thể chấp”? được giải chấp chưa và ai đang chiếm giữ “Bìa thể chấp”?

Với các vấn đề nêu trên, AHT nhận thấy UBND quận X2 chưa thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành trong việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư: Không dân chủ, công khai, minh bạch. Cụ thể như: “UBND phường Z4 và UBND quận X2 không cung cấp bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/500 phường Z4 và

các văn bản pháp quy liên quan. UBND quận X2 cho rằng: Việc thu hồi đất là căn cứ hồ sơ địa chính đang lưu giữ tại UBND phường Z4”. Nhưng UBND quận X2 chỉ sử dụng thông tin hồ sơ địa chính năm 1984 và 1994 với những thông tin có lợi cho chủ đầu tư, không sử dụng thông tin địa chính năm 1995 và 2005 bất lợi cho chủ đầu tư. Đại diện AHT đã nhiều lần đề nghị UBND quận X2 cung cấp cho AHT văn bản nào quy định chỉ sử dụng hồ sơ địa chính 1984 và 1994 để thu hồi đất; Không dùng hồ sơ địa chính năm 1995, 2005, nếu có văn bản thì AHT sẽ tuân thủ nhưng suốt 3 năm qua UBND quận X2 chưa cung cấp.

AHT yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Yêu cầu Tòa án tuyên hủy 38 Quyết định hành chính, cụ thể:

- *07 quyết định cưỡng chế kiểm đếm*: Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 432/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3, đối tượng bị thu hồi ông Bùi Văn M4 (đã chết); Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 433/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3, đối tượng bị thu hồi bà Bùi Thị H7; Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 434/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3, đối tượng bị thu hồi bà Bùi Thị N2; Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 435/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3, đối tượng bị thu hồi bà Đỗ Thị R (đã chết); Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 436/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3, đối tượng bị thu hồi ông Nguyễn Văn T5; Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3, đối tượng bị thu hồi bà Bùi Thị X7; Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 438/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3, đối tượng bị thu hồi ông Đặng Văn S1 (đã chết).

- *07 Quyết định gia hạn kiểm đếm*: Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1188/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với ông Bùi Văn M4 (đã chết); Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1189/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với bà Bùi Thị H7; Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1190/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với bà Bùi Thị N2; Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1191/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với bà Đỗ Thị R (đã chết); Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1192/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với ông Nguyễn Văn T5; Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1193/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với bà Bùi Thị X7; Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1194/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với ông Đặng Văn S1.

- *07 Quyết định thu hồi đất*: Quyết định thu hồi đất số 2212/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với ông Bùi Văn M4 (đã chết); Quyết định thu hồi đất số 2213/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị X7; Quyết định thu hồi đất số 2214/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với ông Đặng Văn S1 (đã chết); Quyết định thu hồi đất số 2215/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với bà Đỗ Thị R (đã chết); Quyết định thu hồi đất số 2216/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của

UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị N2; Quyết định thu hồi đất số 2217/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với ông Nguyễn Văn T5; Quyết định thu hồi đất số 2218/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị H7.

- 07 quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 208/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với ông Bùi Văn M4 (đã chết); Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 209/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị H7; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 210/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với bà Đỗ Thị R (đã chết); Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 211/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với ông Nguyễn Văn T5; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 212/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị N2; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 213/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với ông Đặng Văn S1 (đã chết); Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 214/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị X7.

- 03 quyết định điều chỉnh: Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND quận X2 v/v điều chỉnh nội dung Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2; Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND quận X2 v/v điều chỉnh nội dung của Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND quận X2; Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND quận X2 v/v điều chỉnh nội dung của Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2.

- Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân quận X2 số 2208/QĐ-UBND ngày 16/9/2021.

- 06 quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1095 ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND quận X2; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1096 ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND quận X2; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1097 ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND quận X2; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1484 ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND quận X2; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1485 ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND quận X2; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1486 ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND quận X2.

2. Yêu cầu Tòa án buộc UBND quận X2 xác định đúng loại đất theo nguồn gốc đất (thổ cư) được ghi nhận tại hồ sơ địa chính năm 1995 và 2005 tại UBND phường Z4 đối với phần diện tích đất bị thu hồi, để thực hiện việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đúng quy định pháp luật.

3. Yêu cầu Tòa án buộc UBND phường Z4, UBND quận X2 giao trả cho người sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “Bìa thế chấp” được ghi nhận tại hồ sơ địa chính năm 2005 tại phường Z4.

4. Yêu cầu Tòa buộc UBND quận X2 thực hiện đúng Điều 73 Luật Đất đai 2013 và các văn bản pháp luật liên quan đến góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố X3 và UBND thành phố X3 đối với phần diện tích đất của AHT đang sử dụng ổn định với hàng trăm mét vuông nhà và các công trình phụ trợ khác trên mặt đất và các công trình ngầm như tường xây với trụ bê tông cốt thép cao gần 3m bao quanh thửa đất.

Ngoài các yêu cầu nêu trên, Người khởi kiện còn có yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính đối với UBND quận X2 và Chủ tịch UBND quận X2 đã có hành vi cố tình ban hành các quyết định vi phạm pháp luật như xác định sai loại đất và đối tượng sử dụng đất/thu hồi đất mặc dù biết rõ nguồn gốc đất.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Người bị kiện và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất trình bày:*

Đối với 07 thửa đất số 33a, 33b, 33c, 34, 74a, 74b, 73 tại tờ bản đồ số 01 (trích lục địa chính chỉnh lý số 211/2019-TL) Ủy ban nhân dân quận X2 đã xác định chủ sử dụng đất là các ông, bà: Bùi Thị Hào, Bùi Văn M, Bùi Thị H6, Bùi Thị N2, Bùi Đức T6, Bùi Văn K, Bùi Thị H7, Đặng Thị S, Đặng Thị T, Đặng Văn T1, Đặng Tuấn A1, Bùi Thị N2, Phạm Thị V, Phạm Thị T2, Phạm Thị D, Phạm Thị L, Phạm Văn T3, Nguyễn Thị H4, Phạm Thị Kim A2, Hoàng Hải Nam, Phạm Thị M1, Phạm Thị Thu T4, Phạm Thị Họa M2, Bùi Thị X7, Nguyễn Văn T5 và người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M là thuộc tờ bản đồ số 8 bản đồ năm 1994 và đều là diện tích đất nông nghiệp.

Việc thu hồi bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất nêu trên không liên quan gì đến Công ty TNHH Thương mại AH vì nguồn gốc 07 thửa đất nêu trên thể hiện là đất của hộ gia đình, cá nhân, không có căn cứ xác định là đất của Công ty TNHH Thương mại AH.

Trong quá trình thành lập hồ sơ địa chính năm 2005, tại sổ mục kê năm 2005, tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 38 phần ghi chú có nội dung “bìa thế chấp” là do bên đo đạc ghi thêm phần ghi chú không đúng và do sai sót khi duyệt nghiệm thu bản đồ và sổ mục kê năm 2005. Theo hồ sơ lưu trữ tại địa phương và quận X2, Ủy ban nhân dân quận X2 chưa cấp cũng như lưu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào liên quan đến thửa đất số 62, tờ bản đồ số 38 bản đồ địa chính phường Z4 năm 2005.

Căn cứ vào nguồn gốc đất, UBND quận X2 đã ban hành các quyết định hành chính đúng theo quy định pháp luật khi thu hồi đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án giữ nguyên 38 quyết định hành chính đã ban hành đối với các thửa đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn M và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M thống nhất trình bày:

Nhất trí với quan điểm của người khởi kiện là Công ty TNHH Thương mại AH.

Phần tài sản trên đất bị thu hồi gồm nhà ở, công trình nổi và ngầm khác, cây cối hoa màu theo Vi bằng số 477/2022/VB-TTLAB ngày 18/8/2022 là tài sản thuộc sở hữu chung của 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị H2, anh Bùi Quốc V, anh Bùi Đức A, bà Vũ Thị H3, bà Vũ Thị Kiều H1, ông Vũ Ngọc Q và ông M; những người này đã ủy quyền cho ông M đại diện nhận bồi thường về tài sản trên đất nên không có yêu cầu bồi thường riêng đối với từng người. Việc phân chia tài sản trên đất sẽ do 07 người tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Bùi Văn M và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy 38 quyết định hành chính giống như Công ty AHT yêu cầu vì các lý do sau:

- + Diện tích đất đã thu hồi 2.274,6m² không phải là đất nông nghiệp mà là đất ở vì: khi Nhà nước trưng dụng đất ở của cụ Bùi Văn M4 thì cụ M4 được chuyển đổi đất thì phải là đất ở, điều này đã được ghi nhận tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1995 và hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005 đã ghi nhận tại trang số 2, tờ bản đồ số 38 ở cột ghi chú có ghi “Bìa thế chấp”. Như vậy diện tích đất đã thu hồi đã có “bìa thế chấp” nhưng tại sao chưa giao cho chủ sử dụng.

- + Cụ Bùi Văn M4 đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 và bản thân ông Bùi Văn M cũng đã nộp đơn xin đăng ký biến động quyền sử dụng đất và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào các ngày 12/11/2006 và ngày 10/8/2010 tại Văn phòng UBND phường Z4, UBND quận X2 và Sở Tài Nguyên và Môi trường.

- + Ủy ban nhân dân quận X2 chỉ sử dụng thông tin hồ sơ địa chính năm 1984, 1994 là những thông tin có lợi cho chủ đầu tư (diện tích đất thu hồi là nông nghiệp) mà không sử dụng thông tin địa chính tại hồ sơ năm 1995, 2005 (đất thổ cư) để làm căn cứ thu hồi, bồi thường đất. Việc UBND quận X2 chỉ sử dụng những thông tin năm 1984, 1994 là trái quy định pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty AHT và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì vậy, ông M có yêu cầu Tòa án:

- + Yêu cầu TAND thành phố X3 buộc UBND quận X2 xác định lại đúng loại đất là đất ở tại đô thị đối với diện tích đất thu hồi 2.274,6m² (theo hồ sơ địa chính năm 1995 và 2005 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) để thực hiện việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đúng quy định của pháp luật.

- + Yêu cầu TAND thành phố X3 buộc UBND quận X2 phải sử dụng bản đồ năm 2005 để thu hồi đất; Vì trích lục địa chính số: 427/2018-TL ngày 02/8/2018 đã sử dụng bản đồ địa chính năm 2005 làm cơ sở để lập quy hoạch khu tái định cư A51.

- + Xác định chủ sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản trên đất đối với diện tích 2.274,6m² đất ở như sau: Yêu cầu TAND thành phố X3 xác định quyền sử dụng

thửa đất số 62 là sở hữu chung theo phần của các ông bà sau: Ông Bùi Văn M: diện tích 1.106,6m², Bà Vũ Thị H2: diện tích 360,0m²; Anh Bùi Quốc V: diện tích 360,0m²; Anh Bùi Đức A: diện tích 360,0m²; bà Vũ Thị H3: diện tích 233,0m²; Bà Vũ Thị Kiều H1: diện tích 300,0m²; Ông Vũ Ngọc Q: diện tích 360,0m² (Theo hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005).

+ Yêu cầu TAND thành phố X3 buộc UBND quận X2 bồi thường về đất (theo giá đất ở), hỗ trợ, bố trí tái định cư tại chỗ khi nhà nước thu hồi diện tích đất trên cho các ông/bà: Bùi Văn M, Vũ Thị H2, Bùi Quốc V, Bùi Đức A, Vũ Thị H3, Vũ Thị Kiều H1, Vũ Ngọc Q theo đúng quy định của pháp luật.

+ Yêu cầu TAND thành phố X3 xác định quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (bao gồm nhà ở, công trình khác, cây cối hoa màu theo vi bằng số: 477/2022/VB-TPLAB ngày 18/8/2022) thuộc sở hữu chung của 7 người trong đó ông Bùi Văn M là đại diện.

+ Yêu cầu TAND thành phố X3 buộc UBND quận X2 xác định lại đúng mức giá bồi thường đối với tài sản trên diện tích đất bị thu hồi nói trên, để thực hiện việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đúng quy định của pháp luật.

+ Yêu cầu TAND thành phố X3 buộc UBND quận X2 thu hồi đúng diện tích đất (2.274,6m²) đã nêu trong các Quyết định thu hồi đất số 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2.

+ Buộc UBND quận X2 xác định lại ranh giới, mốc giới đối với phần diện tích đất còn lại là 805,0m² thuộc thửa đất số 62 tờ bản đồ 38 (Theo Hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005) để chúng tôi tiếp tục sử dụng diện tích đất không bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm các ông, bà sau: Bà Vũ Thị H2, anh Bùi Quốc V, anh Bùi Đức A, bà Vũ Thị H3, bà Vũ Thị Kiều H1, Ông Vũ Ngọc Q, người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Văn M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Lý Trà M3 thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc đất thống nhất như đại diện theo ủy quyền của AHT là ông Bùi Văn M đã trình bày. Vì vậy, các ông bà: Vũ Thị H2, Bùi Quốc V, Bùi Đức A, Vũ Thị H3, Vũ Thị Kiều H1 và Vũ Ngọc Q cũng có yêu cầu hủy 38 quyết định hành chính nêu trên giống như Công ty TNHH Thương mại AH và ông Bùi Văn M. Ngoài ra những người có tên trên còn yêu cầu bồi thường về đất, hỗ trợ, bố trí tái định cư tại chỗ, loại đất được bồi thường là đất ở đô thị cụ thể: Bà Vũ Thị H2 yêu cầu diện tích 360,0m²; Anh Bùi Quốc V yêu cầu diện tích 360,0m²; anh Bùi Đức A yêu cầu diện tích 360m²; bà Vũ Thị H3 yêu cầu diện tích 233,0m²; bà Vũ Thị Kiều H1 yêu cầu diện tích 300m²; ông Vũ Ngọc Q yêu cầu diện tích 360,0m² (Theo hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005).

* Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố X3 đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 106 Luật Đất đai 2003; Điều 188, Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Điều 689, Điều 695, Điều 700, Điều 701 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện là Công ty AHT, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn M, bà Vũ Thị H2, ông Bùi Quốc V, ông Bùi Đức A, bà Vũ Thị H3, bà Vũ Thị Kiều H1, ông Vũ Ngọc Q về việc yêu cầu Tòa án:

1.1. Tuyên hủy các quyết định hành chính về thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường của UBND quận X2, cụ thể:

+ Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 432/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3; đối tượng bị thu hồi ông Bùi Văn M4 (đã chết);

+ Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 433/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3; đối tượng bị thu hồi bà Bùi Thị H7;

+ Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 434/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3; đối tượng bị thu hồi bà Bùi Thị N2;

+ Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 435/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3; đối tượng bị thu hồi bà Đỗ Thị R (đã chết);

+ Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 436/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3; đối tượng bị thu hồi ông Nguyễn Văn T5;

+ Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3; đối tượng bị thu hồi bà Bùi Thị X7;

+ Quyết định cưỡng chế kiểm đếm số 438/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND quận X2, X3; đối tượng bị thu hồi ông Đặng Văn S1 (đã chết);

+ Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1188/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với ông Bùi Văn M4 (đã chết);

+ Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1189/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với bà Bùi Thị H7;

+ Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1190/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với bà Bùi Thị N2;

+ Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1191/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với bà Đỗ Thị R (đã chết);

- + Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1192/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với ông Nguyễn Văn T5;
- + Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1193/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với bà Bùi Thị X7;
- + Quyết định gia hạn cưỡng chế kiểm đếm số 1194/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 đối với ông Đặng Văn S1;
- + Quyết định thu hồi đất số 2212/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với ông Bùi Văn M4 (đã chết);
- + Quyết định thu hồi đất số 2213/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị X7;
- + Quyết định thu hồi đất số 2214/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với ông Đặng Văn S1 (đã chết);
- + Quyết định thu hồi đất số 2215/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với bà Đỗ Thị R (đã chết);
- + Quyết định thu hồi đất số 2216/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị N2;
- Quyết định thu hồi đất số 2217/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với ông Nguyễn Văn T5;
- + Quyết định thu hồi đất số 2218/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị H7;
- + Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 208/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với ông Bùi Văn M4 (đã chết);
- + Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 209/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị H7;
- + Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 210/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với bà Đỗ Thị R (đã chết);
- + Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 211/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với ông Nguyễn Văn T5;
- + Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 212/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị N2;
- + Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 213/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với ông Đặng Văn S1 (đã chết);
- + Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 214/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND quận X2 đối với bà Bùi Thị X7;

+ Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND quận X2 v/v Điều chỉnh nội dung Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2;

+ Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND quận X2 v/v điều chỉnh nội dung của Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND quận X2;

+ Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND quận X2 v/v điều chỉnh nội dung của Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND quận X2;

+ Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân quận X2 số 2208/QĐ-UBND ngày 16/9/2021;

+ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1095 ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND quận X2;

+ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1096 ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND quận X2;

+ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1097 ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND quận X2;

+ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1484 ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND quận X2;

+ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1485 ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND quận X2;

+ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1486 ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND quận X2.

1.2. Yêu cầu Tòa án buộc UBND quận X2 xác định đúng loại đất theo nguồn gốc đất (thổ cư) được ghi nhận tại hồ sơ địa chính năm 1995 và 2005 tại UBND phường Z4 đối với phần diện tích đất bị thu hồi, để thực hiện việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đúng quy định pháp luật.

1.3. Yêu cầu Tòa án buộc UBND phường Z4, UBND quận X2 giao trả cho người sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “Bìa thế chấp” được ghi nhận tại hồ sơ địa chính năm 2005 tại phường Z4.

1.4. Yêu cầu Tòa án buộc UBND quận X2 thực hiện đúng Điều 73 Luật Đất đai 2013 và các văn bản pháp luật liên quan đến góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố X3 và UBND thành phố X3 đối với phần diện tích đất của AHT đang sử dụng ổn định với hàng trăm mét vuông nhà và các công trình phụ trợ khác trên mặt đất và các công trình ngầm như tương xây với trụ bê tông cốt thép cao gần 3m bao quanh thửa đất.

1.5. Yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính đối với UBND quận X2 và Chủ tịch UBND quận X2 đã có hành vi cố tình ban hành các quyết định vi phạm pháp luật như xác định sai loại đất và đối tượng sử dụng đất/thu hồi đất mặc dù biết rõ nguồn gốc đất.

1.6. Yêu cầu TAND thành phố X3 buộc UBND quận X2 phải sử dụng bản đồ năm 2005 để thu hồi đất; Vì trích lục địa chính số: 427/2018-TL ngày 02/8/2018 đã sử dụng bản đồ địa chính năm 2005 làm cơ sở để lập quy hoạch khu tái định cư A51.

1.7. Yêu cầu TAND thành phố X3 buộc UBND quận X2 bồi thường về đất (theo giá đất ở), hỗ trợ, bố trí tái định cư tại chỗ khi nhà nước thu hồi diện tích đất trên cho các ông/bà: Bùi Văn M, Vũ Thị H2, Bùi Quốc V, Bùi Đức A, Vũ Thị H3, Vũ Thị Kiều H1, Vũ Ngọc Q theo đúng quy định của pháp luật.

1.8. Yêu cầu TAND thành phố X3 buộc UBND quận X2 xác định lại đúng mức giá bồi thường đối với tài sản trên diện tích đất bị thu hồi nói trên, để thực hiện việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đúng quy định của pháp luật.

+ Yêu cầu TAND thành phố X3 buộc UBND quận X2 thu hồi đúng diện tích đất (2.274,6m²) đã nêu trong các Quyết định thu hồi đất số 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218/QĐ-UBND cùng ngày 16/9/2021 của UBND quận X2.

+ Buộc UBND quận X2 xác định lại ranh giới, mốc giới đối với phần diện tích đất còn lại là 805,0m² thuộc thửa đất số 62 tờ bản đồ 38 (Theo Hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005) để chúng tôi tiếp tục sử dụng diện tích đất không bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu bồi thường về đất, hỗ trợ, bố trí tái định cư tại chỗ, loại đất được bồi thường là đất ở đô thị cụ thể: Bà Vũ Thị H2 yêu cầu diện tích 360,0m²; Anh Bùi Quốc V yêu cầu diện tích 360,0m²; anh Bùi Đức A yêu cầu diện tích 360,0m²; bà Vũ Thị H3 yêu cầu diện tích 233,0m²; bà Vũ Thị Kiều H1 yêu cầu diện tích 300,0m²; ông Vũ Ngọc Q yêu cầu diện tích 360,0m² (Theo hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/4/2023, đại diện theo ủy quyền của Công ty AHT; ông Bùi Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Kiều H1, Vũ Thị H2, Vũ Thị H3, ông Bùi Ngọc Quang, Bùi Quốc V, Bùi Đức A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng bản án sơ thẩm xác định không đúng loại đất bị thu hồi, không đúng chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản (đối tượng được bồi thường về đất, được nhận bồi thường về tài sản trên đất), việc sử dụng không đồng nhất với hồ sơ địa chính về thu hồi đất; Không xem xét đầy đủ yêu cầu

khởi kiện, thụ lý yêu cầu độc lập nhưng không đưa ra xét xử, không thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của đương sự.

Ngày 26/7/2023, người đại diện theo ủy quyền của Công ty AHT bà Nguyễn Thu H có đơn xin rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Bùi Văn M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Văn M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, xác nhận loại đất thu hồi là đất ở và đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ có quan điểm thể hiện: Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người khởi kiện là Công ty TNHH Thương mại AH, những người có quyền lợi liên quan ông Bùi Văn M và các ông, bà: Vũ Thị H2, Bùi Quốc V, Bùi Đức A, Vũ Thị H3, Vũ Thị Kiều H1, Vũ Ngọc Q đều có các yêu cầu khởi kiện giống nhau, cụ thể: Yêu cầu hủy 38 Quyết định hành chính; Yêu cầu Tòa án buộc UBND quận X2 xác định đúng loại đất theo nguồn gốc đất (thổ cư) được ghi nhận tại hồ sơ địa chính năm 1995 và 2005 tại UBND phường Z4 đối với phần diện tích đất bị thu hồi, để thực hiện việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đúng quy định pháp luật; Yêu cầu giao Bìa thế chấp cho ông Bùi Văn M hoặc Công ty AHT. Ông Bùi Văn M và các ông bà Vũ Thị H2, Bùi Quốc V, Bùi Đức A, Vũ Thị H3, Vũ Thị Kiều H1, Vũ Ngọc Q đều có yêu cầu Tòa án bồi thường về đất, hỗ trợ, bố trí tái định cư trong trường hợp không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Công ty AHT. Như vậy, theo quy định tại Điều 129 Luật Tổ tụng hành chính thì ông Bùi Văn M và các ông bà Vũ Thị H2, Bùi Quốc V, Bùi Đức A, Vũ Thị H3, Vũ Thị Kiều H1, Vũ Ngọc Q tham gia tố tụng về phía bên người khởi kiện là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại An Hưng (AHT). Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 129 Luật Tổ tụng hành chính xác định các yêu cầu của ông Bùi Văn M và các ông, bà Vũ Thị H2, Bùi Quốc V, Bùi Đức A, Vũ Thị H3, Vũ Thị Kiều H1, Vũ Ngọc Q không phải là yêu cầu độc lập là có căn cứ. Tòa án nhân dân thành phố X3 thụ lý, giải quyết là

đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 30, Điều 32, Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Đối với yêu cầu: Xác định chủ sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản trên đất đối với diện tích 2.274,6m² đất ở thuộc thửa đất số 62 là sở hữu chung theo phần của các ông bà sau: Ông Bùi Văn M: diện tích 1.106,6m², Bà Vũ Thị H2: diện tích 360,0m²; Anh Bùi Quốc V: diện tích 360,0m²; Anh Bùi Đức A: diện tích 360,0m²; bà Vũ Thị H3: diện tích 233,0m²; Bà Vũ Thị Kiều H1: diện tích 300,0m²; Ông Vũ Ngọc Q: diện tích 360m², (Theo hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005) không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[1.3] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn M trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm Công ty AHT có kháng cáo, ngày 26/7/2023 người đại diện theo ủy quyền của Công ty AHT bà Nguyễn Thu H có đơn xin rút kháng cáo. Do đó căn cứ quy định tại Điều 229 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty AHT.

[1.4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[2.1] Về thẩm quyền, thủ tục, trình tự ban hành các quyết định hành chính:

Ủy ban nhân dân quận X2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận X2 đã ban hành 38 quyết định hành chính là đúng quy định tại khoản 3 Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 70, Điều 71 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[2.2] Về nguồn gốc, diện tích các thửa đất bị thu hồi:

[2.2.1] Đối với thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 01 (trích lục địa chính chỉnh lý số 211/2019-TL), chủ sử dụng đất là ông Bùi Văn M4 (ông Min đã chết), người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M. Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND phường Z4 thể hiện: Theo bản đồ, sổ mục kê năm 1984 thuộc thửa đất số 810, tờ bản đồ số 02, diện tích 1824,0m² (đã được chỉnh lý thành 1.400m²) loại đất 2 lúa, chủ sử dụng ghi Đội 1 (đã được chỉnh lý thành Bùi Văn M4). Theo Bản đồ năm 1994: Thuộc thửa 32, Tờ bản đồ số 8, diện tích 668.0m²,

ký hiệu 2L; Theo Sổ mục kê năm 1994: Thuộc thửa 32, tờ bản đồ số 8, diện tích 632m², loại đất 2L, chủ sử dụng là ông Bùi Văn M4. Theo Sổ đăng ký ruộng đất đã được UBND xã Z3 duyệt ngày 25/11/1995, UBND huyện Z4 duyệt ngày 27/11/1995. Tại trang 33, số thứ tự 219, ông Bùi Văn M4 được kê khai thửa đất số 32, tờ bản đồ số 8 xứ Đồng lạng Vịt diện tích 632m², hình thức sử dụng lâu dài, loại đất ghi nt (tức là đất thổ cư vì trên hộ có loại đất thổ cư). Bản đồ, sổ mục kê năm 2005: Thửa đất trên nằm trong thửa 62, tờ bản đồ số 38, diện tích 2.786,3m², ghi đất thổ cư, mang tên ông Bùi Văn M4. Theo Trích lục địa chính điều chỉnh dự án: Thửa đất trên thuộc tờ 01, số thửa 33a, diện tích 703,6m², đất 2 lúa, mang tên ông Bùi Văn M4. Theo Biên bản xác minh ngày 10/11/2020 của UBND phường Z4, thửa đất số 32, tờ bản đồ số 08, diện tích 632m² của ông Bùi Văn M4 là đất nông nghiệp.

[2.2.2] Thửa đất số 33b, tờ bản đồ số 01 (trích lục địa chính chỉnh lý số 211/2019-TL): Chủ sử dụng đất là bà Bùi Thị H7, người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M. Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND phường Z4 thể hiện: Theo bản đồ, sổ mục kê năm 1984: Thuộc thửa đất số 810, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.824,0m² (đã được chỉnh lý thành 1.400,0m²), loại đất 02 lúa, chủ sử dụng ghi Đội 1 (đã được chỉnh lý thành Bùi Văn M4). Sổ mục kê năm 1994: thuộc thửa 32A tờ 08, diện tích 360m², loại ruộng đất 2 lúa, chủ sử dụng là bà Bùi Thị H7. Bản đồ, sổ mục kê năm 2005: nằm trong thửa 62 tờ bản đồ số 38 có diện tích 2.786,3m², ghi đất thổ cư, mang tên ông Bùi Văn M4. Theo trích lục địa chính điều chỉnh: Thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 01, thửa số 33b, diện tích 360m². Tại biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 24/7/2020 bà Bùi Thị H7 khẳng định là chủ sử dụng thửa đất trên và đã chuyển nhượng thửa đất trên cho anh trai là Bùi Văn M. Xác định diện tích thu hồi của bà Bùi Thị H7 (người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M) là toàn bộ diện tích thửa 32a, tờ bản đồ số 08 (bản đồ năm 1994), diện tích 360m², đất nông nghiệp.

[2.2.3] Thửa đất số 33c, tờ bản đồ số 01 (trích lục địa chính chỉnh lý số 211/2019-TL): chủ sử dụng đất là ông Đặng Văn S1 (ông S1 đã chết), người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M. Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND phường Z4 thể hiện: Sổ đăng ký ruộng đất năm 1995 của thôn 3, trang số 33, số thứ tự 130 ông Đặng Văn S1 được giao thửa 31 tờ 08, diện tích 1.210m², xứ 08, loại đất 2 lúa. Theo bản đồ, sổ mục kê năm 1994; thửa đất trên thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.210m², loại ruộng đất 2 lúa mang tên ông Đặng Văn S1. Bản đồ, sổ mục kê năm 2005: thửa đất trên nằm trong thửa đất số 62 tờ bản đồ số 38, có diện tích 2.786,3m² mang tên ông Bùi Văn M4. Theo trích lục địa chính dự án chỉnh lý thửa đất trên thuộc thửa đất số 33c, tờ bản đồ số 01, diện tích 66,3m². Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 24/7/2020, bà Phạm Thị Chùng là vợ ông Đặng Văn S1 đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Bùi Văn M. Xác định diện tích thu hồi của ông Đặng Văn S1 (người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M) là một phần diện tích thửa đất số 31, tờ bản đồ số 08, loại đất nông nghiệp, diện tích thu hồi là 66,3m².

[2.2.4] Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (trích lục địa chính chỉnh lý số 211/2019-TL): Chủ sử dụng đất là bà Bùi Thị N2, người đang quản lý sử dụng là

ông Bùi Văn M. Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND phường Z4 thể hiện: Theo Bản đồ, sổ mục kê năm 1984: Thuộc thửa đất số 810, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.824,0m² (đã được chỉnh lý thành 1.400m²), loại đất 02 lúa, chủ sử dụng ghi Đội 1 (đã được chỉnh lý thành Bùi Văn M4). Sổ mục kê năm 1994: thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 08, diện tích 360m², loại ruộng đất 2 lúa, chủ sử dụng là bà Bùi Thị N2. Bản đồ, sổ mục kê năm 2005: Nằm trong thửa 62, tờ bản đồ số 38, diện tích 2.786,3m², ghi đất thổ cư mang tên ông Bùi Văn M4. Theo trích lục địa chính điều chỉnh: Thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 01, thửa số 34, diện tích 360m². Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 24/7/2020, bà Bùi Thị N2 khẳng định là chủ sử dụng thửa đất trên và đã chuyển nhượng thửa đất trên cho anh trai là Bùi Văn M. Vậy xác định diện tích thu hồi của bà Bùi Thị N2 (người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M) là toàn bộ diện tích thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08 (bản đồ năm 1994) diện tích 360m² là đất nông nghiệp.

[2.2.5] Thửa đất số 74a, tờ bản đồ số 01 (trích lục địa chính chỉnh lý số 211/2019-TL): Chủ sử dụng đất là bà Đỗ Thị R (bà Riêu đã chết), người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M. Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND phường Z4 thể hiện: Sổ đăng ký ruộng đất năm 1994 của thôn 3, trang 145, số thứ tự 52, bà Đỗ Thị R được giao thửa 41, tờ bản đồ 08, diện tích 347m², đất 2 lúa tại xứ Đồng lảng Vịt. Sổ mục kê năm 1994 thể hiện bà Đỗ Thị R là chủ sử dụng thửa 41, tờ bản đồ số 08, diện tích 347m², loại ruộng đất 2 lúa. Trích lục địa chính dự án (chỉnh lý tháng 10/2019 số thửa 74, tờ số 01), diện tích thu hồi là 37,0m². Bà Đỗ Thị R đã chết, con bà Đỗ Thị R là Phạm Văn T3. Tại Biên bản xác minh ngày 24/7/2020 ông Phạm Văn T3 khẳng định thửa đất trên gia đình chuyển nhượng cho ông Bùi Văn M. Xác định diện tích đất thu hồi của bà Đỗ Thị R (bà Riêu đã chết), người đang quản lý sử dụng 37m² là ông Bùi Văn M là đất nông nghiệp.

[2.2.6] Thửa đất số 74b, tờ bản đồ số 01 (trích lục địa chính chỉnh lý số 211/2019-TL): Chủ sử dụng đất là bà Bùi Thị X7, người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M. Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND phường Z4 thể hiện: Theo bản đồ năm 1994: Thửa đất trên nằm trong thửa đất số 41, tờ bản đồ số 08, diện tích 707m². Theo Sổ mục kê năm 1994: Thuộc thửa số 41a, tờ bản đồ số 08, diện tích 360m² mang tên bà Bùi Thị X7. Sổ đăng ký ruộng đất thôn 1, trang 93, số thứ tự 612 bà Bùi Thị X7 được giao thửa 41a, tờ bản đồ số 08, diện tích 360m², loại ruộng đất 2 lúa. Theo bản đồ, sổ mục kê năm 2005: Nằm trong thửa 62 tờ bản đồ số 38, diện tích 2.786,3m², ghi đất thổ cư mang tên ông Bùi Văn M4. Theo trích lục địa chính điều chỉnh: Thửa đất trên thuộc thửa 74b, tờ số 01, diện tích 53,3m². Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 07/5/2020 bà Bùi Thị X7 khẳng định là chủ sử dụng thửa đất trên và đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Bùi Văn M. Việc xác định diện tích đất thu hồi của bà Bùi Thị X7 (người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M) là 53,3m² một phần diện tích thửa đất số 41a, tờ bản đồ số 08 (bản đồ năm 1994), đất nông nghiệp.

[2.2.7] Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 01 (trích lục địa chính số 427/2018-TL): Chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn T5, người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M. Ông Nguyễn Văn T5 được UBND huyện Z4 cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 01087 QSD đất ngày 15/9/1995: thửa 42, tờ bản đồ số 8, diện tích 730m²; mục đích sử dụng: Trồng cây hàng năm. Trích lục địa chính dự án thể hiện tờ số 01, thửa 73, diện tích trong chỉ giới 737,4m² là chưa chính xác. Xác định diện tích thu hồi là 730m², loại đất nông nghiệp. Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 24/7/2020 bà Đoàn Thị Thiêm là vợ ông Nguyễn Văn T5 khẳng định là đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Bùi Văn M từ khoảng năm 2000. Xác định diện tích thu hồi đất của ông Nguyễn Văn T5 (người đang quản lý sử dụng là ông Bùi Văn M) là 730m², loại đất nông nghiệp.

[2.2.8] Theo bản đồ, sổ mục kê năm 2005 ghi nhận hiện trạng sử dụng đất tại các thửa đất 33a, 33b, 33c, 34, 74b nêu trên nằm trong thửa 62, tờ bản đồ số 38, diện tích 2.786,3m² là đất thổ cư, mang tên ông Bùi Văn M4. Tuy nhiên, đối chiếu với hồ sơ quản lý đất đai tại UBND phường Z4 (bản đồ, sổ mục kê năm 1984, 1994), đối chiếu với các Biên bản xác minh nguồn gốc đất của chính quyền địa phương vào ngày 24/7/2020, đối chiếu với Trích lục địa chính điều chỉnh đều thể hiện các thửa đất nêu trên thuộc loại đất nông nghiệp; vị trí thửa đất bị thu hồi hiện ông Bùi Văn M đang quản lý, sử dụng có tứ cận giáp đất nông nghiệp, bờ mương; mặt khác các chủ sử dụng đất không cung cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện đất thổ cư; hồ sơ chính quyền quản lý không thể hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Công ty AHT, ý kiến của các ông bà Bùi Văn M, Vũ Thị H2, Bùi Quốc V, Bùi Đức A, Vũ Thị H3, Vũ Thị Kiều H1, Vũ Ngọc Q về việc yêu cầu Tòa án buộc UBND quận X2 phải sử dụng bản đồ năm 2005 để thu hồi đất, xác định đúng loại đất theo nguồn gốc đất thổ cư theo bản đồ, sổ mục kê năm 1995, 2005 là đất ở để buộc UBND quận X2 bồi thường về đất (theo giá đất ở), hỗ trợ, bố trí tái định cư tại chỗ khi nhà nước thu hồi diện tích đất trên cho các ông/bà và giao trả cho người sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là “Bìa thế chấp” là có căn cứ.

[2.2.9] Theo Điều 106 Luật Đất đai 2003 và Điều 188 Luật Đất đai 2013 quy định: Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất khi có các điều kiện sau đây: “a, Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 186 và trường hợp nhận thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Luật này”. Tại khoản 1 Điều 168 Luật đất đai 2013 quy định Thời điểm được thực hiện các quyền của người sử dụng đất: “1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn *quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận*. Đối với trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp thì người sử dụng đất được thực hiện quyền sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất; *trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất được thực hiện quyền khi có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*. Trường hợp người sử dụng đất được chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện

xong nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện các quyền”. Các thửa đất nêu trên đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Bùi Văn M cho rằng đã góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào Công ty AHT để yêu cầu xác định Công ty TNHH Thương mại AH đang sử dụng các thửa đất nêu trên và bị thu hồi đất là không phù hợp với quy định tại Điều 73 Luật Đất đai 2013 quy định về Sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thông qua hình thức mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về Sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thông qua hình thức mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Các thửa đất nêu trên đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có văn bản cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền và Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư A51 trên địa bàn phường Z4, quận X2 là dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của Người khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận X2 thực hiện đúng Điều 73 Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan đến góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp là phù hợp.

[2.2.10] Đối với yêu cầu buộc UBND quận X2 xác định lại đúng mức giá bồi thường đối với tài sản trên diện tích đất bị thu hồi nói trên, để thực hiện việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo vi bằng số 477/2022/VB-TPLAB ghi nhận hiện trạng mặt bằng trên khu đất do ông Bùi Văn M cung cấp cho Tòa án chỉ thể hiện hiện trạng các tài sản trên đất, trong nội dung vi bằng và các tài liệu do ông M đã nộp, các lời khai của ông M trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông M không đưa ra mức giá bồi thường cụ thể đối với tài sản trên đất nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với yêu cầu buộc UBND quận X2 thu hồi đúng diện tích đất (2.274,6m²) đã nêu trong các Quyết định thu hồi đất số 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218/QĐ-UBND cùng ngày 16/9/2021 của UBND quận X2. Phần diện tích bị thu hồi thực tế là 2.398,1m² so với các quyết định thu hồi là 2.274,6m² là có tăng 123,5m². Nội dung này, UBND phường Z4 đã có Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 28/10/2022 báo cáo UBND quận, Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất quận xem xét lập phương án bồi thường bổ sung cho gia đình. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu UBND quận X2 sớm giải quyết yêu cầu này của ông Bùi Văn M theo quy định pháp luật là phù hợp.

[2.2.11] Đối với yêu cầu buộc UBND quận X2 xác định lại ranh giới, mốc giới đối với phần diện tích đất còn lại là 805,0m² thuộc thửa đất số 62 tờ bản đồ 38 (Theo Hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005) để tiếp tục sử dụng diện tích đất không bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 11/8/2022, Ủy ban nhân dân phường Z4 nhận được đơn xin xác nhận bản trích đo đất đai của ông Bùi Văn M. Đến ngày 09/9/2022, Ủy ban nhân dân phường Z4 phối hợp với Trung tâm Dữ liệu thông tin Tài Nguyên và Môi trường cùng với các ban chuyên môn của quận X2 đo đạc, khảo sát, cắm mốc, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng của hộ ông Bùi Văn M. Tuy nhiên sau khi đo đạc xong các đường phân rạch ranh giới mốc giới đã ghi nhận trong biên bản nhưng ông M không ký biên bản. Vì vậy, trong trường hợp này ông M cần liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác định lại ranh giới mốc giới đối với phần diện tích đất còn lại là 805,0m² thuộc thửa đất số 62 tờ bản đồ 38 (Theo hồ sơ địa chính phường Z4 năm 2005) để tiếp tục sử dụng diện tích đất không bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy UBND quận X2, thành phố X3 đã ban hành 38 quyết định hành chính nêu trên là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Từ đó Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn M, ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; Công ty TNHH Thương mại AHT phải chịu 50% án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại AH; Bác kháng cáo của người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn M, bà Vũ Thị Kiều H1, bà Vũ Thị H2, bà Vũ Thị H3, ông Bùi Ngọc Quang, ông Bùi Quốc V và ông Bùi Đức A; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HCST ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố X3.

2. Về án phí: Các ông, bà Bùi Văn M, Vũ Thị Kiều H1, Vũ Thị H2, Vũ Thị H3, Bùi Ngọc Quang, Bùi Quốc V, Bùi Đức A, mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng các ông bà có tên trên đã nộp tại các Biên lai thu số 0006681, 0006680, 0006679, 0006678, 0006600, 0006599, 0006598 cùng ngày 12/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố X3.

Công ty TNHH Thương mại AH phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ Công ty TNHH Thương mại AH đã nộp theo Biên lai thu số 0006597 ngày 12/5/2023

của Cục Thi hành án dân sự thành phố X3, hoàn trả 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Thương mại AH.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố X3;
- VKSND thành phố X3;
- Cục THADS thành phố X3;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

Lê Thị Mai

Vũ Thị Thu Hà